TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thế Hiền

2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa

Ngày 06-02-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 479/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Lê Xuân H, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: K10, thị trấn TO, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2.Bị đơn: Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã Lục Sĩ Thành, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của chị Lê Xuân H: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thành Đ do anh Đ không lo làm ăn còn chơi cờ bạc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện chị và anh Đ đã không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay. Về con chung Nguyễn Ngọc Hân chị yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thành Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng bị đơn không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không tham gia tố tụng, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị H và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 21/01/2010 của Ủy ban nhân dân xã Lục Sĩ Thành; anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 15/11/2011 theo giấy khai sinh số 132/2011 quyển số 01/2011 ngày 24/11/2011 của Ủy ban nhân dân thị trấn TO, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quyền yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TO theo quy định tại điều 28 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H cho rằng anh Đ không lo làm ăn mà còn thường xuyên cờ bạc hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với anh Đ. Phía anh Đ đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập các đương sự tham gia phiên họp, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng anh Đ không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết về việc xin ly hôn của chị H và không đến Toà án giải quyết việc kiện với chị H. Điều này, chứng tỏ rằng anh Đ đã không còn quan tâm đến việc hòa giải đoàn tụ nên lời trình bày của chị H nêu trên là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét từ khi chị H và anh Đ không còn chung sống với nhau cháu H sống trực tiếp với chị H, chị H xác định đảm bảo có đủ điều kiện để nuôi con nên chấp nhận theo quy định các điều 58, 81, 82,83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3]Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không trình bày văn bản của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên không có căn cứ để xem xét trong vụ án này; nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm : nguyên đơn nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Xuân H

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn chị Lê Xuân H được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thành Đ.

2. Về nuôi con: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 15/11/2011 cho chị H nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Xuân H nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng),* khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0014329 ngày 19/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO, chị không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Trường Thọ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện cùng cấp;
- UBND xã Lục Sĩ Thành (Giấy chứng nhận kết hôn số 03 quyển 01 ngày 21/01/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án .